

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHÍNH THỨC

20 - 01 - 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2011**

TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 31/12/2011

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011***MÃ SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		9.279.160.021.716	5.804.397.860.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	3.101.435.901.849	234.843.207.079
1. Tiền	111		771.435.901.849	234.843.207.079
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.330.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	736.033.188.192	2.092.259.762.292
1. Đầu tư ngắn hạn	121		815.277.431.792	2.162.917.431.792
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(79.244.243.600)	(70.657.669.500)
III. Các khoản phải thu	130		2.126.947.803.251	1.119.075.135.003
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.152.632.033.803	595.420.415.184
2. Trả trước cho người bán	132		743.668.199.436	340.411.981.006
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	232.545.166.006	183.818.883.488
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	VI.5	(1.897.595.994)	(576.144.675)
IV. Hàng tồn kho	140		3.186.792.095.368	2.272.650.052.063
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	3.191.726.002.038	2.276.752.660.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	VI.7	(4.933.906.670)	(4.102.608.915)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127.951.033.056	85.569.703.941
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	56.321.028.026	37.892.633.665
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.615.030.542	15.992.818.623
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.014.974.488	31.684.251.653

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011***MẪU SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.285.158.103.799	4.949.908.765.951
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	23.624.693
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	23.624.693
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.571.226.735.584	3.058.038.713.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	3.140.742.111.001	2.278.666.157.863
- Nguyên giá	222		4.819.396.220.602	3.701.896.691.342
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.678.654.109.601)	(1.423.230.533.479)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	209.380.741.295	126.013.324.335
- Nguyên giá	228		305.503.445.243	185.265.480.642
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(96.122.703.948)	(59.252.156.307)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	1.221.103.883.288	653.359.231.400
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.11	73.182.137.539	73.328.395.211
- Nguyên giá	241		90.177.337.460	76.570.608.223
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(16.995.199.921)	(3.242.213.012)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.550.368.535.378	1.659.632.386.999
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.13	823.752.380.127	561.052.384.560
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.14	214.466.955.551	214.466.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.15	783.611.273.800	1.036.111.273.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	VI.16	(271.462.074.100)	(151.998.226.912)
V. Tài sản dài hạn khác	260		90.380.695.298	158.885.645.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.17	13.955.996.238	94.165.141.674
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		75.328.279.060	62.865.036.536
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.096.420.000	1.855.467.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		15.564.318.125.515	10.754.306.626.329

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011***MẪU SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.152.169.943.075	2.803.350.338.459
I. Nợ ngắn hạn	310		2.993.592.789.307	2.643.646.520.653
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.18	-	567.960.000.000
2. Phải trả người bán	312	VI.19	1.882.755.381.787	1.095.245.156.293
3. Người mua trả tiền trước	313		116.844.952.210	30.515.029.293
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.20	287.182.837.552	278.216.643.484
5. Phải trả người lao động	315		42.008.506.653	32.715.690.648
6. Chi phí phải trả	316	VI.21	260.206.170.893	263.812.687.876
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.22	58.284.825.493	115.873.505.360
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.23	346.310.114.719	259.307.807.699
II. Nợ dài hạn	330		158.577.153.768	159.703.817.806
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	92.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm	336	VI.24	66.571.712.268	51.058.625.583
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.441.500	16.645.192.223
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	VI.25	12.412.148.182.440	7.950.956.287.870
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.412.148.182.440	7.950.956.287.870
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.561.147.540.000	3.530.721.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.521.794.000)	(669.051.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		908.024.236.384	2.172.290.789.865
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		556.114.754.000	353.072.120.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.112.389.346.056	1.895.541.229.005

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		15.564.318.125.515	10.754.306.626.329


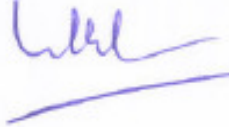


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


MẪU SỐ B01-DN

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		27.989.325,30	1.303.357,93
EUR		1.482.877,52	994,69
NZD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 01 tháng 01 năm 2012,

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Đức Diệu Thơ</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Lê Thành Liêm</p>	<p>Giám đốc điều hành Tài chính</p>  <p>Ngô Thị Thu Trang</p>	<p>Giám đốc</p>  <p>Mai Kiều Liên</p>
---	--	---	--



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)
Năm 2011**MÃ SỐ B02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	22.264.531.786.640	16.173.754.854.110
2. Các khoản giảm trừ	03	VII.1	443.128.597.657	328.600.184.161
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	VII.1	21.821.403.188.983	15.845.154.669.949
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	15.267.378.200.645	10.676.719.801.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.554.024.988.338	5.168.434.867.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	679.547.489.380	447.982.910.578
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	332.121.618.469	186.706.228.159
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		13.933.130.085	6.003.810.273
8. Chi phí bán hàng	24	VII.8	1.811.943.544.902	1.438.185.805.872
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.8	434.273.596.118	370.492.890.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		4.655.233.718.229	3.621.032.853.594
11. Thu nhập khác	31	VII.5	362.545.328.799	1.034.384.716.763
12. Chi phí khác	32	VII.6	85.269.643.075	423.867.169.946
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		277.275.685.724	610.517.546.817
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.932.509.403.953	4.231.550.400.411
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		778.367.649.176	645.058.588.114
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(12.463.242.524)	(9.344.103.477)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.166.604.997.301	3.595.835.915.774
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.7	6.625	6.683

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc điều hành
Tài chính

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Lê Thành Liêm

Ngô Thị Thu Trang

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2011****MÃ SỐ B03-DN***Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.932.509.403.953	4.231.550.400.411
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	VI.10	361.325.713.482	261.449.479.161
- (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng	03	VI.11	131.970.414.289	30.016.540.007
- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.12	7.605.774.684	(42.641.420.105)
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(507.917.626.333)	(610.351.336.931)
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	13.933.130.085	6.003.810.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.939.426.810.160	3.876.027.472.816
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(1.066.840.564.449)	(298.837.737.911)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		(916.347.996.511)	(997.326.866.523)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		782.979.585.995	398.190.544.599
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		(23.173.000.514)	(13.661.108.147)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14.785.659.974)	(4.866.346.822)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.20	(789.968.554.294)	(548.573.466.173)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.255.501.334	66.404.700.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(329.809.135.979)	(309.955.388.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.582.736.985.768	2.167.401.803.640
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.704.853.964.951)	(1.421.428.554.578)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		50.148.330.984	720.843.512.534
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	(500.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.621.569.512.182	286.148.743.444
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(262.699.995.567)	(520.567.384.560)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		471.824.231.056	272.092.557.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		157.988.113.704	(1.162.911.125.302)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM


Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.454.528.400.000	18.068.200.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.852.743.000)	(514.829.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		624.835.000.000	966.530.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.209.835.000.000)	(403.947.731.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(741.428.260.000)	(1.765.200.420.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		126.247.397.000	(1.185.064.780.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.866.972.496.472	(180.574.101.662)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		234.843.207.079	415.417.916.497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(379.801.702)	(607.756)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		3.101.435.901.849	234.843.207.079

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2012,

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Đức Diệu Thơ</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Lê Thành Liêm</p>	<p>Giám đốc điều hành Tài chính</p>  <p>Ngô Thị Thu Trang</p>	<p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Mai Kiều Liên</p>
---	--	--	---



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ số 10 đường Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/12/2011,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac - Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- 4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.
- 7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty năm giữ
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac	Sản xuất sữa	100%

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh nhà;
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- l. Phòng khám đa khoa;
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
- n. Dịch vụ sau thu hoạch;
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với Báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Ban Điều Hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
 - + Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

▪ **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:**

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

▪ **Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:**

Cuối quý, cuối niên độ: Đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

▪ **Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2010 : 18.932 VNĐ/USD

31/12/2011 : 20.828 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối năm, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

▪ **TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

▪ **TSCĐ vô hình bao gồm:**

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. **Phương pháp khấu hao:**

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6

- Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Khấu hao: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.
- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
 - + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ dự phòng tài chính trích 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu).

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Công ty đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Họ thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đánh giá rủi ro, giới hạn mức rủi ro và đưa ra các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được Khối Tài chính thực hiện.
- Các nhân sự thuộc Khối Tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với giới hạn được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xem xét. Thông tin được trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Điều hành nhận được.

1. **Rủi ro thị trường**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động về thị giá. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, đồng thời tối ưu hoá lợi ích mà rủi ro thị trường mang lại.

a. Rủi ro tiền tệ

- Công ty phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và Euro (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu). Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phái sinh nhằm hạn chế rủi ro tiền tệ vì họ nhận thấy giá vốn của các công cụ đó vượt trên rủi ro tiềm tàng của những biến động về tỷ giá hối đoái.
- Rủi ro tiền tệ của công ty đối với USD và EUR là như sau : (đơn vị tính : VND)

31/12/2011	USD	EUR
Tiền mặt	582.961.667.350	40.976.354.510
Phải thu thương mại và phải thu khác	739.662.534.214	236.079.314.321
Phải trả thương mại và phải trả khác	(897.193.813.131)	(348.355.921.842)
Ảnh hưởng lên bảng cân đối kế toán	425.430.388.433	(71.300.253.011)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

31/12/2010	USD	EUR
Tiền mặt	24.675.217.771	27.581.760
Phải thu thương mại và phải thu khác	224.022.116.423	245.787.809.045
Phải trả thương mại và phải trả khác	(568.498.371.126)	(59.138.450.054)
Ảnh hưởng lên bảng cân đối kế toán	(319.801.036.932)	186.676.940.752

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
USD	20.828	18.932
EUR	27.633	27.729

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 10% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ là dưới/trên 31.907 triệu VND (2010 : 23.985 triệu VND), chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 10% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ là trên/dưới 5.348 triệu VND (2010 : 14.001 triệu VND), chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Công ty phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư thuộc nhóm sẵn sàng để bán. Các chứng khoán này được niêm yết tại Sàn Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (“HOSE”). Để quản lý rủi ro giá, Công ty đa dạng hóa danh mục đầu tư theo các hạn mức do Công ty đề ra.
- Nếu giá các chứng khoán vốn được niêm yết tại sàn HOSE thay đổi tương ứng 10% (2010: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ cao/thấp hơn 8.303 triệu VND (2010: 10.006 triệu VND) tương ứng.

c. Rủi ro lãi suất

Công ty không có rủi ro lãi suất khi tất cả các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Công ty áp dụng chính sách chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử giao dịch tín dụng thích hợp, và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm bớt rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, Công ty áp dụng chính sách giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác được xếp hạng tín nhiệm cao.
- Ban Điều hành đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó, mỗi khách hàng mới được phân tích riêng lẻ về tín dụng trước khi Công ty cung cấp các điều khoản và điều kiện thanh toán và giao hàng tiêu chuẩn. Hạn mức mua được thiết lập đối với từng khách hàng, hạn mức này phản ánh hạn mức tối đa không cần phê duyệt của Ban Điều hành. Khách hàng không đáp ứng mức tín dụng tiêu chuẩn của Công ty có thể chỉ giao dịch với Tập đoàn trên cơ sở thanh toán trước.
- Mức độ rủi ro tối đa của rủi ro tín dụng đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó, trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.
 - a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:
 - Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.
 - Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Công ty lên đến 1.362.540.791.848 VND (2010: 738.549.120.419 VND).
 - b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:
 - Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
 - Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Quá hạn 1 đến 30 ngày	15.058.558.138	23.720.033.214
Quá hạn 31 đến 60 ngày	287.717.434	345.829.102
Quá hạn 61 đến 90 ngày	630.000	7.056.901.845
Quá hạn hơn 90 ngày	3.727.445.863	8.957.244.364
	<u>19.074.351.435</u>	<u>40.080.008.525</u>

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Tổng gộp	3.562.056.526	610.169.728
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(1.897.595.994)	(576.144.675)
	<u>1.664.460.532</u>	<u>34.025.053</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	31/12/2011	31/12/2010
Giá trị đầu kỳ	576.144.675	642.761.453
Dự phòng tăng	1.833.346.777	(14.545.012)
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(511.895.458)	(52.071.766)
Giá trị cuối kỳ	<u>1.897.595.994</u>	<u>576.144.675</u>

- Các khoản phải thu khách hàng bị suy giảm giá trị chủ yếu phát sinh từ doanh số bán cho khách hàng bị lỗ lớn trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro thanh khoản:

- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 2 năm	Từ 2 đến 5 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	2.243.260.326.326	92.000.000.000	-
- Các khoản vay	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010			
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	1.524.292.232.400	-	92.000.000.000
- Các khoản vay	567.960.000.000	-	-

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải nợ phải trả người bán và phải trả khác có giá trị gần bằng giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

31.12.2011					
	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	24.993.771.792	11.762.802.708	(10.685.976.400)	26.070.598.100	(10.685.976.400)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	82.283.660.000	-	(68.558.267.200)	13.725.392.800	(68.558.267.200)
Đầu tư dài hạn khác:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	206.961.273.800	5.972.806.500	(96.442.805.500)	116.491.274.800	(96.442.805.500)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ	106.350.000.000	-	(45.907.987.129)	60.442.012.871	(45.907.987.129)
	420.588.705.592	17.735.609.208	(221.595.036.229)	216.729.278.571	(221.595.036.229)
31.12.2010					
	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	24.993.771.792	39.538.150.708	(8.150.578.000)	56.381.344.500	(8.150.578.000)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	82.283.660.000	-	(62.507.091.500)	19.776.568.500	(62.507.091.500)
Đầu tư dài hạn khác:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	206.961.273.800	-	(80.353.639.400)	126.607.634.400	(80.353.639.400)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ	106.350.000.000	-	(28.226.445.148)	78.123.554.852	(28.226.445.148)
	420.588.705.592	39.538.150.708	(179.237.754.048)	280.889.102.252	(179.237.754.048)

- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại sàn HOSE được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá giao dịch bình quân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
- Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được tính dựa vào giá trị thị trường của danh mục đầu tư của quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán SSI và ngân hàng giám sát HSBC.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	545.856.573	485.789.369
- Tiền gửi ngân hàng	770.890.045.276	231.342.846.137
- Tiền đang chuyển	-	3.014.571.573
- Các khoản tương đương tiền	2.330.000.000.000	-
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	2.330.000.000.000	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u><u>3.101.435.901.849</u></u>	<u><u>234.843.207.079</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	357.277.431.792	207.277.431.792
• Chứng khoán đã niêm yết	24.993.771.792	24.993.771.792
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.283.660.000	82.283.660.000
• Trái phiếu doanh nghiệp	250.000.000.000	100.000.000.000
• Trái phiếu Chính phủ	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	458.000.000.000	1.955.640.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	440.000.000.000	1.955.640.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	18.000.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(79.244.243.600)	(70.657.669.500)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(79.244.243.600)	(70.657.669.500)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u><u>736.033.188.192</u></u>	<u><u>2.092.259.762.292</u></u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(70.657.669.500)	(86.506.865.100)
Trích lập dự phòng trong năm	(8.586.574.100)	(7.706.652.500)
Hoàn nhập dự phòng	-	23.555.848.100
Số cuối năm	<u><u>(79.244.243.600)</u></u>	<u><u>(70.657.669.500)</u></u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	614.822.309.815	426.779.974.088
- Khách hàng nước ngoài	537.809.723.988	168.640.441.096
Cộng	<u><u>1.152.632.033.803</u></u>	<u><u>595.420.415.184</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.042.334
- Lãi tiền gửi phải thu	39.118.333.339	54.367.379.221
- Cổ tức phải thu	6.144.600	-
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu	53.480.095.630	34.647.731.162
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	125.119.908.948	86.664.527.807
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	-	5.209.268.069
- Phải thu khác	14.820.683.489	2.928.934.895
Cộng	<u>232.545.166.006</u>	<u>183.818.883.488</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Tỷ lệ trích lập (%)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(1.897.595.994)	(61.188.653)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	30%	(22.395.300)	-
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	(1.672.871.733)	(13.652.354)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	(30.736.300)	(47.536.299)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	100%	(171.592.661)	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	100%	-	(514.956.022)
Cộng		<u>(1.897.595.994)</u>	<u>(576.144.675)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	972.269.280.990	623.038.110.193
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	1.554.537.858.729	1.152.426.450.409
- Công cụ, dụng cụ	319.202.861	6.423.190.140
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.368.489.862	68.525.909.945
- Thành phẩm	569.780.981.699	376.881.930.363
- Hàng hóa	23.079.807.665	33.540.067.793
- Hàng gửi đi bán	48.370.380.232	15.917.002.135
Cộng	<u>3.191.726.002.038</u>	<u>2.276.752.660.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	(2.132.410.838)	(869.354.387)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.490.913.798)	(3.007.032.296)
- Thành phẩm	(1.267.615.534)	(89.667.650)
- Hàng hóa	(42.966.500)	(136.554.582)
Cộng	<u>(4.933.906.670)</u>	<u>(4.102.608.915)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(4.102.608.915)	(7.109.289.450)
Trích lập dự phòng trong năm	(10.074.642.239)	(6.643.795.057)
Hoàn nhập dự phòng	7.987.996.015	6.665.581.190
Sử dụng dự phòng trong năm	1.255.348.469	2.984.894.402
Số cuối năm	<u>(4.933.906.670)</u>	<u>(4.102.608.915)</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	2.194.732.003	12.809.264.408	11.141.813.036	-	3.862.183.375
- Chi phí quảng cáo	8.764.606.163	36.045.906.061	36.490.412.042	-	8.320.100.182
- Chi phí tư vấn	380.250.000	1.411.609.225	1.340.902.224	-	450.957.001
- Chi phí CCDC bán hàng	13.536.497.543	53.770.872.099	32.630.444.644	-	34.676.924.998
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	4.117.594.883	34.009.824.054	33.439.523.613	2.273.620.670	2.414.274.654
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.908.531.632	19.687.712.412	18.024.171.205	256.496.529	4.315.576.310
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	4.739.455.297	15.006.322.068	18.364.146.407	-	1.381.630.958
- Chi phí khác	1.250.966.144	31.061.251.288	30.506.125.678	906.711.206	899.380.548
Cộng	<u>37.892.633.665</u>	<u>203.802.761.615</u>	<u>181.937.538.849</u>	<u>3.436.828.405</u>	<u>56.321.028.026</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	580.474.772.163	2.628.310.572.960	319.763.576.880	173.347.769.339	3.701.896.691.342
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	7.275.938.587	74.215.249.812	19.175.442.069	50.533.544.604	151.200.175.072
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	188.980.278.723	848.262.802.243	24.675.858.021	33.737.751.561	1.095.656.690.548
-Phân loại lại	-	189.819.323	-	(189.819.323)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	13.606.729.237	-	-	-	13.606.729.237
-Thanh lý, nhượng bán	201.672.460	76.022.942.264	34.441.505.778	5.084.486.621	115.750.607.123
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	762.922.587.776	3.474.955.502.074	329.173.371.192	252.344.759.560	4.819.396.220.602
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	170.492.180.654	1.046.140.624.383	117.712.806.296	88.884.922.146	1.423.230.533.479
+Tăng trong năm					
-Khấu hao trong năm	28.945.460.890	254.926.368.363	27.541.994.950	35.348.654.784	346.762.478.987
-Phân loại lại	-	232.071.301	-	(232.071.301)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	9.915.048.803	-	-	-	9.915.048.803
-Thanh lý, nhượng bán	60.969.407	66.364.084.414	9.977.136.018	5.021.664.223	81.423.854.062
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	189.461.623.334	1.234.934.979.633	135.277.665.228	118.979.841.406	1.678.654.109.601
+Giá trị còn lại					
+Số đầu năm	409.982.591.509	1.582.169.948.577	202.050.770.584	84.462.847.193	2.278.666.157.863
+ Số cuối năm	573.460.964.442	2.240.020.522.441	193.895.705.964	133.364.918.154	3.140.742.111.001

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	135.376.412.855	-	-	49.889.067.787	185.265.480.642
+Tăng trong năm				9.138.961.760	9.138.961.760
-Mua trong năm	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	111.195.942.361	-	-	-	111.195.942.361
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	96.939.520	96.939.520
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	246.572.355.216			58.931.090.027	305.503.445.243
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	17.161.673.240	-	-	42.090.483.067	59.252.156.307
+Tăng trong năm					
-Khấu hao trong năm	4.035.379.339	-	-	6.689.917.050	10.725.296.389
-Tăng khác	26.242.190.772	-	-	-	26.242.190.772
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	96.939.520	96.939.520
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	47.439.243.351			48.683.460.597	96.122.703.948
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	118.214.739.615	-	-	7.798.584.720	126.013.324.335
+ Số cuối năm	199.133.111.865			10.247.629.430	209.380.741.295

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	-	70.576.318.026	-	5.994.290.197	76.570.608.223
+Tăng trong năm					
-Mua trong năm	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Chuyển từ TSCĐ	-	13.606.729.237	-	-	13.606.729.237
-Chuyển từ hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	-	84.183.047.263	-	5.994.290.197	90.177.337.460
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	-	2.697.340.538	-	544.872.474	3.242.213.012
+Tăng trong năm					
-Khấu hao trong năm	-	3.238.509.089	-	599.429.017	3.837.938.106
-Chuyển từ TSCĐ	-	9.915.048.803	-	-	9.915.048.803
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	-	15.850.898.430	-	1.144.301.491	16.995.199.921
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	-	67.878.977.488	-	5.449.417.723	73.328.395.211
+ Số cuối năm	-	68.332.148.833	-	4.849.988.706	73.182.137.539

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	653.359.231.400	647.464.085.371
- Tăng trong năm	1.673.918.817.918	1.151.640.149.415
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	1.095.656.690.548	1.107.200.542.766
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
- Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	12.411.182.265
- Thanh lý	10.517.475.482	26.133.278.355
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.221.103.883.288</u>	<u>653.359.231.400</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng như sau :

- Văn phòng công ty	652.557.519.078	277.772.837.051
- NM Sữa Trường Thọ	29.244.400	31.401.764.891
- NM Sữa Thống Nhất	214.216.365	20.984.189.586
- NM Sữa Dielac	33.679.200.351	20.495.868.143
- NM Sữa Sài Gòn	80.403.563.112	185.734.013.102
- NM Sữa Cần Thơ	24.013.080.051	4.118.463.246
- NM Sữa Bình Định	18.868.426.211	4.756.837.745
- NM Sữa Nghệ An	35.495.060.435	3.690.119.467
- XNKV Hà Nội	8.747.985.700	8.747.985.700
- NM Sữa Tiên Sơn	81.555.694.010	49.929.155.652
- NM Nước Giải Khát	2.597.374.052	421.896.417
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	44.989.951.351	44.920.740.945
- Chi nhánh Hà Nội	21.177.273	104.341.273
- Chi nhánh Đà Nẵng	237.931.390.899	281.018.182
Cộng	<u>1.221.103.883.288</u>	<u>653.359.231.400</u>

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	522.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%	90.800.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	46.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac	100,00%	100,00%	164.952.380.127
Cộng			<u>823.752.380.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	18.000.000.000
- Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết	19,29%	19,29%	179.315.000.000
Cộng			214.466.955.551

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	313.311.273.800	313.311.273.800
• Cổ phiếu đã niêm yết	206.961.273.800	206.961.273.800
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
• Các quỹ đầu tư	106.350.000.000	106.350.000.000
- Đầu tư trái phiếu	350.000.000.000	600.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	120.300.000.000	122.800.000.000
Cộng	783.611.273.800	1.036.111.273.800

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(142.350.792.629)	(108.580.084.548)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(120.062.801.173)	(43.183.612.836)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên doanh, liên kết	(9.048.480.298)	(234.529.528)
Cộng	(271.462.074.100)	(151.998.226.912)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(151.998.226.912)	(106.096.160.160)
- Trích lập dự phòng trong năm	(120.592.117.088)	(64.822.430.938)
- Hoàn nhập dự phòng	1.128.269.900	18.920.364.186
Số cuối năm	(271.462.074.100)	(151.998.226.912)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	86.021.727.136	-	-	83.587.714.550	2.434.012.586
- Chi phí CCDC bán hàng	7.122.306.162	63.327.616.615	-	59.208.276.618	11.241.646.159
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.021.108.376	709.900.909	-	1.450.671.792	280.337.493
Cộng	94.165.141.674	64.037.517.524	-	144.246.662.960	13.955.996.238

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	567.960.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	-	567.960.000.000

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	777.802.948.568	422.079.002.343
- Nhà cung cấp nước ngoài	1.104.035.003.984	670.434.240.014
- Nhà phân phối	917.429.235	2.731.913.936
Cộng	1.882.755.381.787	1.095.245.156.293

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	47.583.781.192	480.789.900.351	469.449.037.673	58.924.643.870
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	15.756.806.947	732.146.780.525	728.138.360.450	19.765.227.022
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.668.385.524	368.559.108.389	366.407.575.134	5.819.918.779
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.215.827.511	778.367.649.176	789.968.554.294	188.614.922.393
- Thuế thu nhập cá nhân	10.237.367.248	73.609.924.566	70.177.524.398	13.669.767.416
- Thuế tài nguyên	26.473.122	342.108.630	338.585.062	29.996.690
- Thuế nhà đất	-	1.996.800	1.996.800	-
- Tiền thuê đất	-	691.714.218	691.187.747	526.471
- Các loại thuế khác	728.001.940	11.255.675.241	11.625.862.270	357.814.911
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	379.181.442	379.161.442	20.000
Cộng	278.216.643.484	2.446.144.039.338	2.437.177.845.270	287.182.837.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	166.981.423.467	124.353.396.055
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí tại siêu thị	138.181.804	652.393.939
- Chi phí quảng cáo	29.428.701.502	83.472.865.870
- Chi phí vận chuyển	25.290.506.962	20.660.425.800
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	6.357.023.147	4.239.789.975
- Chi phí lãi vay	-	1.025.212.500
- Chi phí nhiên liệu	5.795.564.015	299.850.621
- Chi phí nhân công thuê ngoài	7.252.173.600	6.620.417.339
- Chi phí phải trả khác	18.962.596.396	22.488.335.777
Cộng	<u>260.206.170.893</u>	<u>263.812.687.876</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BHXH, BHYT, BHTN	389.034.984	64.426.200
- Kinh phí công đoàn	141.016.246	11.630.400
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.285.621.271	12.869.222.332
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	184.859.155	2.684.859.155
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	31.891.388.948	91.614.690.576
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.392.904.889	8.628.676.697
Cộng	<u>58.284.825.493</u>	<u>115.873.505.360</u>

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	259.307.807.699	182.260.937.614
- Trích lập quỹ	416.660.499.730	359.583.591.577
- Tăng khác	32.700.000	36.500.000
- Chi trả	(329.690.892.710)	(282.573.221.492)
Số dư cuối năm	<u>346.310.114.719</u>	<u>259.307.807.699</u>

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	51.058.625.583	34.842.336.174
- Trích lập dự phòng	16.576.979.482	23.869.635.563
- Sử dụng dự phòng	(1.063.892.797)	(4.467.861.021)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(3.185.485.133)
Số dư cuối năm	<u>66.571.712.268</u>	<u>51.058.625.583</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.756.282.910.335	294.347.876.431	899.221.447.907	6.462.351.012.673
- Tăng vốn năm trước	18.068.200.000	-	(514.829.000)	-	-	-	17.553.371.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	3.595.835.915.774	3.595.835.915.774
- Trích lập các quỹ	-	-	-	416.007.879.530	58.724.243.569	(834.315.714.676)	(359.583.591.577)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(1.765.200.420.000)	(1.765.200.420.000)
Số dư đầu năm nay	3.530.721.200.000	-	(669.051.000)	2.172.290.789.865	353.072.120.000	1.895.541.229.005	7.950.956.287.870
- Tăng vốn trong năm	2.030.426.340.000	1.276.994.100.000	(1.852.743.000)	(1.852.892.040.000)	-	-	1.452.675.657.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	4.166.604.997.301	4.166.604.997.301
- Trích lập các quỹ	-	-	-	588.625.486.519	203.042.634.000	(1.208.328.620.250)	(416.660.499.731)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(741.428.260.000)	(741.428.260.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.561.147.540.000	1.276.994.100.000	(2.521.794.000)	908.024.236.384	556.114.754.000	4.112.389.346.056	12.412.148.182.440

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	22.264.531.786.640	16.173.754.854.110
• Doanh thu bán hàng hóa	496.124.755.574	249.948.819.950
• Doanh thu bán thành phẩm	21.738.114.896.771	15.890.474.276.671
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.690.188.407	27.410.984.250
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.601.945.888	5.920.773.239
Các khoản giảm trừ doanh thu:	443.128.597.657	328.600.184.161
• Chiết khấu thương mại	441.891.678.905	320.185.652.193
• Hàng bán bị trả lại	1.236.918.752	8.414.531.968
Doanh thu thuần	21.821.403.188.983	15.845.154.669.949
<i>Trong đó:</i>		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	21.791.111.054.688	15.811.822.912.460
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	30.292.134.295	33.331.757.489

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	479.892.671.596	237.139.515.986
- Giá vốn của thành phẩm	14.761.993.994.256	10.386.381.262.362
- Giá vốn của dịch vụ	1.314.885.592	6.301.870.656
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS	5.461.852.413	3.826.512.705
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	30.672.000	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	16.597.478.564	43.092.426.390
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.086.646.224	(21.786.133)
Cộng	15.267.378.200.645	10.676.719.801.966

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	365.831.459.358	196.352.281.506
- Lãi trái phiếu	97.988.961.693	60.569.825.569
- Lãi cho vay	2.445.000.000	-
- Cổ tức	25.576.594.310	18.024.123.920
- Đầu tư Chứng khoán	-	1.037.680.360
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	133.011.736.352	124.057.264.255
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.335.201.499	47.711.031.480
- Khác	1.358.536.168	230.703.488
Cộng	679.547.489.380	447.982.910.578

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác	13.933.130.085	6.003.810.273
- Lãi ký quỹ	1.173.590.655	1.303.336.014
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	-	154.951.460
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	105.296.848.209	100.718.522.237
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.940.976.183	5.069.611.375
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	8.586.574.100	(15.849.195.600)
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	119.463.847.188	45.902.066.752
- Hỗ trợ thanh toán Nhà phân phối	22.667.657.049	37.407.095.648
- Khác	58.995.000	5.996.030.000
Cộng	<u><u>332.121.618.469</u></u>	<u><u>186.706.228.159</u></u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	48.909.935.847	698.435.658.682
- Thu thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	10.651.675.000	24.420.501.863
- Thu bán phế liệu, CCDC, VTKT	85.071.020.610	59.704.004.232
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.140.520.594	1.288.039.182
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	166.810.521.148	217.531.182.525
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	1.855.965.948	20.745.483
- Thu nhập khác	46.105.689.652	32.984.584.796
Cộng	<u><u>362.545.328.799</u></u>	<u><u>1.034.384.716.763</u></u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	34.326.753.061	345.188.932.370
- Chi phí thanh lý TSCĐ	-	17.097.971.943
- Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang	10.517.475.482	26.133.278.355
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	1.329.579.899	505.032.839
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	722.472.308	5.264.156.933
- Thuế bị phạt, bị truy thu	2.136.716.539	1.128.697
- Chi phí khác	36.236.645.786	29.676.668.809
Cộng	<u><u>85.269.643.075</u></u>	<u><u>423.867.169.946</u></u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.166.604.997.301	3.595.835.915.774
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.166.604.997.301	3.595.835.915.774
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	546.582.775	538.066.802
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.623	6.683

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	353.006.100	351.249.980
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2010	-	1.549.410
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 02 năm 2011	3.028.856	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 5 năm 2011	6.449.315	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 15 tháng 6 năm 2011	1.947.896	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thưởng phát hành ngày 29 tháng 11 năm 2011	182.194.259	185.289.204
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	(43.651)	(21.792)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	546.582.775	538.066.802

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.561.329.401.840	10.080.077.369.707
- Chi phí nhân công	577.524.150.998	478.398.198.750
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	361.325.713.482	261.449.479.161
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	719.440.867.111	562.136.320.083
- Chi phí khác	1.408.247.327.190	1.146.236.527.379
Cộng	17.627.867.460.621	12.528.297.895.080

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.504.153.413.347	10.036.071.922.590
- Chi phí nhân công	321.914.069.856	266.182.639.990
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	286.442.259.304	201.589.505.486
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.561.770.373	193.192.261.704
- Chi phí khác	21.578.806.721	22.582.868.502
Cộng	<u><u>15.381.650.319.601</u></u>	<u><u>10.719.619.198.272</u></u>

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	126.040.690.295	111.698.708.452
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.661.138.368	36.033.721.867
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	36.459.224.005	15.694.989.118
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.827.515.080	31.490.118.666
- Chi phí bảo hành	10.079.299.960	6.429.668.286
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.754.915.111	247.150.586.765
- Chi phí khác bằng tiền	1.232.120.762.083	989.688.012.718
Cộng	<u><u>1.811.943.544.902</u></u>	<u><u>1.438.185.805.872</u></u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	129.569.390.847	100.516.850.308
- Chi phí vật liệu quản lý	10.514.850.125	7.971.725.250
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.591.556.456	7.980.128.800
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.055.939.098	28.369.855.009
- Thuế, phí, lệ phí	2.554.586.807	2.459.880.794
- Chi phí dự phòng	18.410.326.259	19.914.745.226
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.124.181.627	121.793.471.614
- Chi phí khác bằng tiền	82.452.764.899	81.486.233.935
Cộng	<u><u>434.273.596.118</u></u>	<u><u>370.492.890.936</u></u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u><u>46.632.287.016</u></u>	<u><u>41.545.628.000</u></u>

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2011		Năm 2010	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.491.667.208.749	2.772.864.577.891	14.516.996.875.716	1.656.757.978.394
2. Các khoản giảm trừ	443.128.597.657	-	328.600.184.161	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	19.048.538.611.092	2.772.864.577.891	14.188.396.691.555	1.656.757.978.394
4. Giá vốn hàng bán	13.043.333.351.514	2.224.044.849.131	9.347.055.554.510	1.329.664.247.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	6.005.205.259.578	548.819.728.760	4.841.341.137.045	327.093.730.938

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2012,

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên

